

HỮU ĐẠT

TRẦN TRÍ DŨI

ĐÀO THANH LAN

Cơ
Sở

TIẾNG VIỆT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

HỮU ĐẠT
TRẦN TRÍ DỐI - ĐÀO THANH LAN

CƠ SỞ TIẾNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1998

LỜI NÓI ĐẦU

Môn **CƠ SỞ TIẾNG VIỆT** là môn tự chọn có hướng dẫn của các sinh viên nhóm ngành IV, nhóm ngành các khoa học xã hội, nhân văn như Ngôn ngữ học, Văn học, Lịch sử, Văn thư - Lưu trữ, Đông phương, Du lịch, Quan hệ quốc tế... Cuốn sách này có nhiệm vụ cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Ngoài ra nó còn giúp ích cho giáo viên phổ thông có được những khái niệm chính xác khi giảng dạy các phần ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách tiếng Việt.

Để kịp thời phục vụ cho việc học tập của sinh viên, chúng tôi tổ chức biên soạn cuốn giáo trình này. Với khuôn khổ mở, giáo trình có thời lượng và mục đích như đã nói, chúng tôi chỉ trình bày một cách ngắn gọn nhưng có hệ thống và cập nhật những tri thức ngôn ngữ học có liên quan và những vấn đề cơ bản nhất của tiếng Việt.

Trong quá trình làm việc, chúng tôi đã trao đổi và nhận được nhiều sự cố vấn, góp ý và đóng góp của nhiều giáo sư phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ và bạn bè trong Khoa Ngôn ngữ học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội). Đặc biệt, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của Nhà xuất bản Giáo dục để bản thảo sớm được hoàn thành. Nhân dịp cuốn sách ra đời, chúng tôi

xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Nhà xuất bản, với tất cả các quý vị tôn kính và hi vọng sẽ nhận được sự chỉ giáo cùng sự góp ý phê bình của các quý vị và bạn đọc.

Hà Nội, 20 - 3 - 1995

Các tác giả

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ VÀ LOẠI HÌNH HỌC TIẾNG VIỆT

1. Khái quát về lịch sử tiếng Việt

Việt Nam là một dân tộc có hàng ngàn năm lịch sử. Trong quá trình phát triển để có diện mạo như ngày nay, dân tộc ta đã phải trải qua nhiều thăng trầm, nhiều biến đổi nhưng nhờ vẫn giữ vững được bản sắc văn hóa của mình, dân tộc ta đã vượt qua tất cả những khó khăn, thách thức ấy. Tiếng Việt, với tư cách là công cụ giao tiếp, công cụ tư duy của dân tộc, đã gắn liền với quá trình lịch sử vẻ vang đó. Vì vậy, hiểu biết lịch sử tiếng Việt không chỉ là một nhu cầu thuần túy ngôn ngữ học, mà là một nhu cầu hiểu biết lịch sử hiểu biết văn hóa của dân tộc. Mặt khác, với trách nhiệm là một ngôn ngữ chính thức của một quốc gia đa dân tộc đông dân ở khu vực Đông Nam Á, tiếng Việt còn có một vai trò xã hội quan trọng trong sự nghiệp xây dựng một quốc gia dân giàu nước mạnh, hòa nhập vào xu thế phát triển của khu vực. Hiểu biết lịch sử của nó ở khía cạnh này cũng là góp phần xây dựng bản sắc văn hóa của dân tộc, xây dựng nền văn hóa mới, phù hợp với yêu cầu xây dựng một xã hội mới, văn minh và hiện đại.

1.1. Xung quanh vấn đề nguồn gốc của tiếng Việt

Vào những năm đầu thế kỉ thứ XIX, các nhà nghiên cứu phương Tây đã quan tâm đến việc nghiên cứu tiếng Việt. Từ đó cho đến nay có nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc của ngôn ngữ này.

Ban đầu, dựa vào ý kiến nêu ra trong cuốn từ điển của J.L. Taberd (1838) người ta cho rằng tiếng Việt là một chi nhánh của tiếng Hán. Đặt vấn đề như vậy người ta tưởng rằng tiếng Việt chỉ là một hình thức thoái hóa của tiếng Hán, hoặc nó như là một sự pha trộn giữa tiếng Hán và các thổ ngữ của các dân tộc phương Nam, trong đó yếu tố Hán mang tính chủ đạo. Có thể thấy cách đặt vấn đề như thế chỉ là một sự suy luận, không có một cơ sở chắc chắn đáp ứng đòi hỏi khoa học mà bộ môn Ngôn ngữ học so sánh lịch sử đặt ra.

Đến nửa sau thế kỉ thứ XIX, các nhà nghiên cứu lại nêu ra một khuynh hướng mới. Theo đó tiếng Việt có quan hệ họ hàng với các ngôn ngữ phương Nam. Trong tác phẩm của J.R. Logan in năm 1856, ông đã có sự đối chiếu từ ngữ theo khuynh hướng ấy và đặt tên gọi cho một nhóm ngôn ngữ mà ông thấy gần gũi nhau là nhóm Môn - Annam. Về sau, một loạt các công trình kế tiếp của C.J.S. Forber (1881), E.Kuhn (1889) cũng có ý kiến tương tự như Logan. Nhưng thời ấy vấn đề cũng chưa thật ngã ngũ là ai có lí hơn ai. Năm 1884, K. Himly trong cuốn "Các ngôn ngữ đơn lập ở Đông Nam Á" vẫn muốn xếp tiếng Việt vào các ngôn ngữ họ Thái. Năm 1906, W. Schmitdt, người đưa ra thuật ngữ "Các ngôn ngữ Môn - Khơmer" hiện đang được sử dụng rộng rãi lại không coi tiếng Việt là một ngôn ngữ của họ Nam Á.

Chính trong tình hình ấy, nhà học giả Pháp nổi tiếng H. Maspéro đã cho xuất bản cuốn "Nghiên cứu về ngữ âm lịch sử tiếng Annam. Các phụ âm đầu" vào năm 1912. Trong cuốn sách này, nhà Đông phương học đáng kính ấy đã trình bày một cách có hệ thống và chi tiết ý kiến của ông về nguồn gốc tiếng Việt như sau:

- Nếu so sánh về mặt từ vựng thì tiếng Việt có rất nhiều từ chung với nhiều ngôn ngữ Môn - Khơmer (như tiếng Môn, tiếng Khơmer, tiếng Banar, tiếng Stiêng, tiếng Rongao v.v...). Nhưng trong mỗi một loạt từ vựng, không có một nhóm nào là hoàn chỉnh và nhóm nào cũng có ít nhiều từ gốc Thái (như tiếng Xiêm - tức tiếng Thái Lan ngày nay, tiếng Lào, tiếng Thái đen và Thái trắng, tiếng Thổ, tiếng Ahom, tiếng Shan, tiếng Diol...). Nói một cách khác, nếu căn cứ vào từ vựng thì người ta không có đủ cơ sở để nói tới một khả năng tiếng Việt là một ngôn ngữ thuộc Môn - Khơmer hay thuộc các ngôn ngữ Thái.

- Về mặt ngữ pháp, mà cụ thể là vấn đề hình thái học, tiếng Việt gần với các ngôn ngữ Thái hơn. Nói như vậy được là vì trong các ngôn ngữ Môn - Khơmer rõ ràng vẫn có hệ thống tiền tố, trung tố để tạo từ phái sinh, nhưng hiện tượng này ở tiếng Việt hiện nay lại không có, ở tiếng Mường là ngôn ngữ anh em gần với tiếng Việt cũng không có và nó cũng không có ở tiếng Xiêm, tiếng Lào hay tiếng Thái trắng hoặc Thái đen ở Tây Bắc nước ta.

- Trong tình hình như vậy, tiếng Việt và cả tiếng Mường có một đặc điểm hết sức quan trọng đều là các ngôn ngữ thanh điệu và hệ thống thanh điệu của nó lại có đặc điểm giống kiểu Thái. Ngược lại, các ngôn ngữ Môn - Khơmer hoàn toàn không có đặc điểm này.

Với lập luận rõ ràng, đầy đủ và cụ thể như vậy H. Maspéro đi đến một kết luận quan trọng về nguồn gốc tiếng Việt. Ông viết: "Tiếng Tiên Annam đã sinh ra từ một sự biến hóa của một phương ngữ Môn - Khơmer, một phương ngữ Thái và có thể của cả ngôn ngữ thứ ba chưa biết; rồi sau đó tiếng Annam đã mượn một số lượng lớn những từ Hán. Nhưng cái ngôn ngữ mà ảnh hưởng quyết định đã tạo ra cho tiếng Annam trạng thái hiện đại của nó là chắc chắn, theo ý kiến tôi, một ngôn ngữ Thái và tôi nghĩ rằng tiếng Annam phải được quy vào họ Thái".

Sau khi ý kiến của H. Maspéro ra đời rất nhiều nhà nghiên cứu đã tán đồng và đi theo hướng đó: W. Schmidt (1926), R. Shafer (1942), A.I. Vlich (1956), Vương Lực (1958), H.J. Pinnow (1963). Hơn nữa, với uy tín của mình, H. Maspéro đã làm cho các ý kiến phản bác bị lu mờ. Cũng trong thời gian này, cái thuật ngữ Môn - Annam do Logan nêu ra bị mai một đi, và thuật ngữ Môn - Khơmer mà Schmidt đề xướng, nổi hẳn lên và rất thông dụng để chỉ một nhánh ngôn ngữ có bà con họ hàng ở Đông Nam Á, trong đó không bao gồm tiếng Việt.

Có thể nói trong các ý kiến bàn về nguồn gốc của tiếng Việt, ý kiến của H. Maspéro là ý kiến đại diện cho khuynh hướng xếp tiếng Việt vào cái ngôn ngữ Thái. Ý kiến này có sức thuyết phục và được lưu hành phổ biến rộng rãi trong một thời gian dài, từ lúc nó ra đời cho đến những năm 50 của thế kỉ khi mà một ý kiến khác, trái ngược với ý kiến này, ra đời.

Bắt đầu từ năm 1953, một nhà bác học nổi tiếng khác của Pháp, giáo sư A.G. Haudricourt đã trình bày một ý kiến cho rằng tiếng Việt là một ngôn ngữ Môn - Khơmer của họ Nam Á. Hai bài báo đầu tiên của ông* đi theo hướng chúng

minh này là bài "Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á" in năm 1953 và bài "Về nguồn gốc thanh điệu tiếng Việt" in năm 1954. Sau đó, lần lượt một số tác giả khác như R. Shafer (1956), N.D. Andreev (1958), S. Wilson (1966) và đặc biệt là S.E. Yakhontov (1973) và gần đây là M. Ferlus (1974, 1979, 1995...), G. Diffloth (1975, 1989, 1991...) cùng nhiều nhà ngôn ngữ học Việt Nam đã đồng ý với cách đặt vấn đề của A.G. Haudricourt. Với các lập luận sau đây của mình, ông đã làm cho các lập luận của H. Maspéro không đứng vững được nữa và do vậy sức thuyết phục của giả thuyết đã nói ở trên của ông cũng bị mai một.

Chúng ta có thể trình bày những lập luận chính của khuyển hướng mà A.G. Haudricourt đại diện như sau:

- Về mặt từ vựng, cả Haudricourt, Yakhontov và Ferlus... đều chứng minh rằng trong vốn từ tiếng Việt có nhiều từ có nguồn gốc Môn - Khmer hơn, các từ tương ứng này thuộc vào lớp từ cơ bản hơn và mỗi một loạt tương ứng tính đều đặn thể hiện rõ hơn. Trong khi đó, khi so sánh tiếng Việt với các ngôn ngữ Thái, các từ chung giữa chúng ít hơn, và các từ thuộc vào lớp từ văn hóa nhiều hơn. Điều đó cho phép nói rằng quan hệ cội nguồn từ vựng giữa Việt và các ngôn ngữ Môn - Khmer là quan hệ cơ tính cội nguồn, còn quan hệ giữa Việt và các ngôn ngữ Thái là quan hệ ít xưa hơn và gắn liền với tiếp xúc về sau hơn.

- Ở bình diện ngữ pháp, nếu như H. Maspéro cho rằng tiếng Việt gắn với các ngôn ngữ Thái hơn do cả hai ngôn ngữ này không có dấu hiệu dùng phụ tố cấu tạo từ thì khi so sánh cặp từ "giết" - "chết" của tiếng Việt, A.G. Haudricourt dự đoán rằng có thể trước đây tiếng Việt có sử dụng tiền tố cấu tạo từ như các ngôn ngữ Môn - Khmer. Làm rõ thêm nhận xét này N.D. Andreev năm 1958 và M. Ferlus ở những

năm 80 sau này đã phát hiện có nhiều vết tích cổ cho thấy các tổ hợp phụ âm đầu tiên còn ở tiếng Mường (như *tlau* - *trâu*) là dấu vết của những tiến tố cổ trong tiếng Việt. Như vậy, rất có thể là trước đây, vào thời kì rất xa xưa, tiếng Việt đã là ngôn ngữ có phụ tố cấu tạo từ. Hiện nay, do quá trình biến đổi, dấu hiệu này không còn lưu giữ. Có thể nói, với nhận xét này chúng ta không có lí gì lại không cho rằng về mặt cội nguồn, tiếng Việt gần với các ngôn ngữ Môn - Khơmer hơn là gần với các ngôn ngữ Thái.

- Về mặt thanh điệu, bài báo của A.G. Haudricourt công bố năm 1954 chứng minh rằng tiếng Việt gần với các ngôn ngữ Môn - Khơmer hơn, mặc dù hiện nay tiếng Thái là ngôn ngữ có thanh điệu, còn các ngôn ngữ Môn - Khơmer là những ngôn ngữ không thanh điệu. Bởi vì trong nhiều thứ tiếng ở Đông Nam Á giữa thanh điệu và âm đầu của âm tiết có liên quan với nhau: Phụ âm đầu tắc - vô thanh tương ứng với một thanh điệu cao và phụ âm đầu hữu thanh tương ứng với một thanh điệu thấp. Đồng thời cũng có sự tương ứng đều đặn giữa thanh điệu tiếng Việt với những cách kết thúc âm nhất định trong các ngôn ngữ Môn - Khơmer. Từ những lí do trên, A.G. Haudricourt chứng minh rằng *tiếng Việt đã trải qua một quá trình phát triển từ không có thanh điệu dần tới có một hệ thống thanh điệu như hiện nay*. Theo ông ban đầu tiếng Việt không có thanh điệu. Sau đó do biến đổi của các âm cuối âm tiết, tiếng Việt có ba thanh. Về sau do biến đổi của các âm đầu, hệ thống ba thanh chuyển thành hệ thống sáu thanh như ngày nay. Như vậy, về mặt nguồn gốc, tiếng Việt cũng là một ngôn ngữ không có thanh điệu như các ngôn ngữ Môn - Khơmer của họ Nam Á khác.

Cách giải thích của A.G. Haudricourt về thanh điệu tiếng Việt đạt được sự nhất trí cao trong giới nghiên cứu các ngôn